CÔNG TY CỔ PHẦN SDP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------	----------
Số: 50CT/TCHC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

- Mã chứng khoán: *SDP*
- Địa chỉ: *Ngõ 795 đường Quang Trung, phường Phú La, q.Hà Đông, TP Hà Nội*
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0432216425 Fax: 0432216423
- E-mail: haihienpvsd@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/10/2024, Công ty cổ phần SDP nhận được Bản án số 198/2024/KDTM-PT ngày 06/08/2024 của Tòa án Nhân dân TP Hà Nội về việc tổ chức hợp đồng mua bán hàng hóa.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/10/2024 theo đường dẫn: https://sdp.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

**** Tài liệu đính kèm:***
- Bản án số 198/2024/KDTM-PT ngày 06/08/2024

Đại diện tổ chức
Người Đại diện theo pháp luật

M.S.D.N: 0500444772 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP
Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trường Tam

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SDP
Ký ngày: 29/10/2024 09:22:43

25/1802

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 198/2024/KDTM-PT
Ngày 06 tháng 8 năm 2024
V/v: T/c hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 62
Ngày 28/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai

Các Thẩm phán : Bà Lê Thúy Linh và bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Hòa - Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 143/2024/TLPT-KDTM ngày 05/6/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Do Bản án sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 422/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 02/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức.

Địa chỉ: TDP Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Quyết Thắng - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Cường. (Có mặt)

Địa chỉ: Phòng1503 tòa B chung cư Mỹ Sơn, 62 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Bà Nguyễn Thị Thảo. Địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Diamond Flower, đường Hoàng Đạo Thúy, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần SDP.

Địa chỉ: Ngõ 795 đường Quang Trung, phường Phú La, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trường Tam - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh Sơn - Phó tổng giám đốc (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 14 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tử Giang - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Khổng Thị Thu An - Cán bộ pháp chế (có mặt)

NỘI DUNG

Nguyên đơn Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức trình bày:

Ngày 25/4/2015, Công ty Minh Đức và Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại dầu khí Sông Đà (đổi tên thành Công ty Cổ phần SDP) đã ký Hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/PVSD-MĐ theo đó Công ty Minh Đức cung cấp cọc bê tông cốt thép ứng suất trước PHC D400 Class A cho dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2. Cụ thể:

- Hàng hóa: cọc BTCT ứng suất trước PHC D400 Class A;

- Phạm vi công việc: Cung cấp cọc PHC D400 Class A cường độ bê tông sau 28 ngày tuổi đạt Fc=80 Mpa, sử dụng bê tông bền sunphat theo đúng thiết kế được Chủ đầu tư/Tổng thầu phê duyệt. Cung cấp cọc đến chân công trình.

- Tổng giá trị hợp đồng đã gồm 10% thuế GTGT là 52.272.000.000đồng.

- Thanh toán: Sau khi Bên B hoàn thành 100% khối lượng công việc được nghiệm thu thực tế tại công trường, Hai bên sẽ tiến hành tổng hợp lại toàn bộ khối lượng bên B đã thực hiện. Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ quyết toán. Giá trị thanh toán là giá trị sau khi đã trừ đi các khoản Bên A đã thanh toán cho Bên B.

- Thời hạn thanh toán: Hai bên sẽ tiến hành xác nhận khối lượng công việc vào ngày 25 hàng tháng.

Bên A sẽ hoàn thành việc thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán từ Bên B.

Thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết, Công ty Minh Đức đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ cam kết, tiến hành cung cấp đầy đủ hàng hóa, đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định. Giá trị thực tế theo xác nhận đối chiếu công nợ của Bên A và Bên B.

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ba bên ngày 26/7/2019 có nội dung xác nhận Công ty SDP còn nợ Công ty Minh Đức số tiền 20.626.208.500đồng nên đơn khởi kiện ban đầu Công ty Minh Đức đã khởi kiện theo số liệu này. Tuy nhiên đây là số liệu của 05 hợp đồng mà Công ty SDP phải thanh toán cho Công ty Minh Đức. Trong tổng nợ nêu trên, riêng đối với Hợp đồng kinh tế số 40 Công ty SDP còn phải thanh toán cho Công ty Minh Đức 10.541.625.600đồng.

Căn cứ vào bản tự khai của đại diện ủy quyền Công ty SDP, Sổ chi tiết đối tượng thanh toán do Bị đơn giao nộp tại Tòa án và Biên bản hòa giải tại Tòa án có cơ sở xác định giá trị hàng hóa đã giao nhận theo Hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/PVSD-MĐ ngày 25/04/2015 như sau: Giá trị hoàn thành thực tế của Hợp đồng 40 là: 70.526.253.600 đồng. Đã xuất hết hóa đơn VAT. Giá trị Công ty SDP đã

thanh toán là: 59.984.628.000 đồng. Giá trị Công ty SDP còn phải thanh toán là: 10.541.625.600 đồng.

Việc Công ty cổ phần SDP không thanh toán theo cam kết đã gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty Minh Đức, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Minh Đức. Căn cứ Hợp đồng đã ký, công việc đã thực hiện và quy định pháp luật hiện hành, đề nghị Tòa án tuyên buộc: Công ty SDP phải thanh toán số tiền gốc còn lại của Hợp đồng số 40 là 10.541.625.600đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần SDP trình bày: Đề nghị Tòa án cho thời gian để hai bên đối chiếu số liệu. Tai phiên hòa giải Công ty SDP đã xác nhận số tiền còn nợ là 10.541.625.600đồng. Đồng ý việc nguyên đơn không tính lãi chậm trả. Bị đơn đề nghị 02 bên ký quyết toán để xác định cọc lỗi, cọc hỏng để đền bù thiệt hại; đối chiếu lại công nợ, chiết khấu giảm giá hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam trình bày: Ngày 26/9/2019, Tổng Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PetroCons), Công ty SDP, Công ty Minh Đức đã ký Biên bản thỏa thuận ba bên về việc thực hiện thanh toán công nợ.

Tổng công ty PetroCons và Công ty SDP là hai pháp nhân độc lập, không phụ thuộc nhau. Công ty SDP chưa có đề xuất nào để Tổng công ty PetroCons chuyển tiền cho Công ty Minh Đức.

Trong vụ án này, Tổng công ty PetroCons không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Công ty SDP.

Bản án sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức đối với Công ty cổ phần SDP.

Buộc Công ty cổ phần SDP phải thanh toán cho Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức tổng số tiền 10.541.625.600đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức không tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc trên.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về khoản tiền lãi chậm thanh toán do nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty SDP có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do:

Hợp đồng số 40 có giá trị 52.272.000.000đồng. Thực tế Công ty SDP đã thanh toán 59.984.628.000đồng vượt quá giá trị hợp đồng trong khi hai bên chưa ký phụ lục bổ sung tăng giá trị hợp đồng hay điều chỉnh giá trị hợp đồng theo Điều 4.3 hợp đồng. Nên chưa có cơ sở để buộc Công ty SDP phải trả công nợ theo bản án sơ thẩm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo bảng kê tạm ghi nhận là 70.526.253.600đồng, giá trị vượt giá trị hợp đồng 02 bên đã ký. Theo quy định về điều kiện thanh toán là hai bên phải tiến hành nghiệm thu thực tế tại công trường và thanh toán theo hồ sơ quyết toán. Phần giá trị nguyên đơn yêu cầu thanh toán 10.541.625.000đồng là giá trị tạm tính theo giá trị đơn hàng, chưa được điều chỉnh lại đơn giá khi khối lượng tăng lên, chưa có quyết toán, chưa tính đến các giá trị quyết toán sau khi giảm trừ giá trị hàng lỗi, chiết khấu giảm giá hàng bán.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại số tiền công nợ Công ty SDP phải trả Công ty Minh Đức sau khi hai bên đàm phán ký điều chỉnh lại khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng; quyết toán lại chính xác các công nợ về hàng lỗi, hỏng và chiếu khấu giảm giá hàng bán.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Dự án do hai bên ký kết hợp đồng mới đi vào hoạt động vì bị đơn còn nợ nguyên đơn do tổng thầu là người liên quan cũng chưa thanh quyết toán được dự án này nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định và yêu cầu chung của phiên tòa phúc thẩm: Thành phần HĐXX phúc thẩm, phạm vi xét xử phúc thẩm đúng quy định tại Điều 64 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghia vụ theo quy định tại các diều 70,71,72, 73 và 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần SDP.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần SDP phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của Công ty SDP làm trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền kháng cáo theo quy định pháp luật nên kháng cáo của Công ty SDP là hợp lệ.

- Thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Về nội dung

[1]. Xét Hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/PVSD-MĐ/2015

Ngày 25/4/2015, Công ty CP đầu tư và thương mại dầu khí Sông Đà (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần SDP ngày 09/8/2017) và Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức, ký Hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/PVSD-MĐ/2015 về việc cung cấp cọc BTCT ứng suất trước PHC D400 Class A phục vụ thi công Kho than - Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

Nhận thấy: Hợp đồng số 40 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình khởi kiện tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xuất trình các hồ sơ thanh toán khối lượng đợt 1 ngày 05/6/2015, đợt 2 ngày 25/6/2015, đợt 3 ngày 25/7/2015, đợt 4 ngày 17/8/2015, đợt 5 ngày 27/11/2015, đợt 6 ngày 26/12/2015, đợt 7 năm 2016. Tại các hồ sơ thanh toán này đều ghi là hồ sơ thanh toán khối lượng cho Hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/PVSD-MĐ/2015.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, nguyên đơn trình bày tổng giá trị hoàn thành 07 đợt là 53.236.636.200đồng, Công ty SDP đã thanh toán 32.610.427.700đồng. Còn lại 20.626.208.500đồng. Tuy nhiên theo Biên bản thỏa thuận ngày 26/7/2019 giữa Công ty SDP, Công ty Minh Đức và Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) thì công nợ đến thời điểm 27/7/2019 giữa Công ty SDP và Công ty Minh Đức theo các Hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/PVSD-MĐ/2015 ngày 25/4/2015; số 12/HĐKT/PVSD-MĐ/2016 ngày 15/02/2016; số 2411/HĐKT/PVSD-MĐ/2016 ngày 24/11/2016; số 2415/HĐKT/PVSD-MĐ/2016 ngày 25/11/2016; số 88/HĐKT/PVSD/XDVN-AMACAO-MĐ/2016 là 20.626.208.500đồng. Như vậy, số tiền 20.626.208.500đồng nguyên đơn khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2022 là của 05 hợp đồng kinh tế giữa Công ty SDP và Công ty Minh Đức; không phải của riêng Hợp đồng số 40.

Tại Đơn đề nghị ngày 17/7/2023, người đại diện theo pháp luật của Công ty SDP ký, đóng dấu đã nêu theo số liệu sổ sách kế toán của Công ty SDP thì công nợ

giữa Công ty SDP và Công ty Minh Đức theo Hợp đồng kinh tế số 40 là 10.541.625.600đồng.

Tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/11/2023, đại diện theo ủy quyền của Công ty SDP là ông Nguyễn Danh Sơn - phó tổng giám đốc công ty xác nhận đối với Hợp đồng số 40 khoản nợ gốc Công ty SDP còn nợ Công ty Minh Đức là 10.541.625.600đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến thống nhất với bị đơn về khoản tiền gốc còn lại theo Hợp đồng kinh tế số 40 là 10.541.625.600đồng.

Việc nguyên đơn xác nhận số tiền nợ gốc còn lại theo Hợp đồng kinh tế số 40 ít hơn so với yêu cầu tại đơn khởi kiện là do sự thỏa thuận chia tách các hợp đồng nên số nợ theo Hợp đồng kinh tế số 40 còn lại là 10.541.625.600đồng, sự thỏa thuận này phù hợp với quan điểm của bị đơn tại phiên hòa giải và không yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả cũng là sự thiện chí, tự nguyện của nguyên đơn, hai bên đương sự đều thống nhất tại Tòa án số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng kinh tế số 40 là 10.541.625.600đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng kinh tế số 40 là 10.541.625.600đồng là có căn cứ.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty SDP cho rằng các bên chưa bù trừ cọc lỗi, hỏng cũng như chưa thống nhất việc điều chỉnh đơn giá khi khối lượng tăng lên, chưa có quyết toán hợp đồng.

Theo các văn bản ý kiến trình bày của Công ty SDP tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty SDP chỉ nêu ý kiến về việc công ty gặp khó khăn trong việc thu hồi nợ tại hai dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhiệt điện Sông Hậu 1. Hai dự án này Công ty SDP là nhà thầu phụ cho Tổng công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam nên đề nghị Công ty Minh Đức chiết khấu giảm giá hàng bán, đối chiếu lại nợ gốc và không tính lãi; Đồng thời đưa ra lộ trình thanh toán sau khi đối chiếu công nợ chính xác là 04 năm. Công ty SDP không nêu ra bất kỳ ý kiến gì về việc lỗi, hỏng hàng tại các phiên tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/7/2023, 30/11/2023. Tại phiên tòa ngày 20/12/2023, Công ty SDP mới đưa ra ý kiến về lỗi, hỏng hàng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Công ty SDP không có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xem xét đối trừ số hàng bị lỗi, hỏng mà Công ty Minh Đức đã bàn giao theo Hợp đồng kinh tế số 40. Nếu có thì yêu cầu của Công ty SDP đưa ra sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không được xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, theo Hợp đồng số 40 thì giá trị tạm tính là 52.272.000.000đồng. Công ty SDP khai thực tế Công ty SDP đã thanh toán 59.984.628.000đồng.

Tại khoản 4.3 Điều 4 Hợp đồng số 40 quy định: "Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh quyết toán là khối lượng thực tế tại công trường được hai

bên ký xác nhận. Nếu phát sinh (tăng/giảm khối lượng) hoặc thay đổi chiều dài và tổ hợp cọc, hai bên sẽ tiến hành thương thảo lại giá". Căn cứ theo trình bày của bị đơn thì giá trị thực tế Công ty SDP đã thanh toán cho Công ty Minh Đức lớn hơn giá trị theo hợp đồng, nhưng 02 bên không ký bất kỳ phụ lục nào về điều chỉnh giá, Công ty SDP vẫn thực hiện việc thanh toán theo đơn giá đã ghi nhận trong Hợp đồng số 40, không có bất kỳ ý kiến gì về đơn giá.

Theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 Hợp đồng số 40 quy định: "Đơn giá trong hợp đồng là không đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Việc thay đổi đơn giá của hợp đồng này trong trường hợp cần thiết phải được sự thỏa thuận thống nhất bằng văn bản của hai bên và phải được lập thành phụ lục hợp đồng". Nguyên đơn, bị đơn không có văn bản thỏa thuận về việc thay đổi đơn giá, chiết khấu giảm giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không bổ sung các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu kháng cáo. Do đó kháng cáo của Công ty SDP về việc hai bên chưa điều chỉnh lại khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng; quyết toán lại chính xác các công nợ về hàng lỗi, hỏng và chiết khấu giảm giá hàng bán nên Công ty SDP chưa phải thanh toán khoản nợ gốc cho Công ty Minh Đức là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham dự phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí;

QUYẾT ĐỊNH

Xử. 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần SDP. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần SDP phải nộp 2.000.000 đồng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014826 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, TP Hà Nội. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 06/8/2024).

Nơi nhận :
- VKSNDTP Hà Nội ;
- TAND quận Hà Đông;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM THỊ MAI